

Số: 30 /QĐ-MN

Thanh Lương, ngày 04 tháng 01 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai dự toán ngân sách năm 2023
của trường mầm non Thanh Lương

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG MẦM NON THANH LƯƠNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 5136/QĐ-UBND ngày 20/12/2022 của Ủy ban nhân dân huyện Vinh Bảo về việc giao dự toán thu, chi ngân sách năm 2023 cho các phòng, ban, ngành, các xã, thị trấn và các đơn vị;

Xét đề nghị của bộ phận tài vụ cơ sở vật chất nhà trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu dự toán ngân sách năm 2023 của trường mầm non Thanh Lương (theo các biểu mẫu đính kèm).

Hình thức công khai: Niêm yết tại văn phòng hội đồng nhà trường

Điều 2. Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng, kế toán và các cán bộ, giáo viên, viên chức có liên quan tổ chức thực hiện quyết định này. /... *shua*

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Phòng TC-KH (để báo cáo);
- Lưu: VT.

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ



Nguyễn Thị Ngọc Trâm

**UBND HUYỆN VĨNH BẢO
TRƯỜNG MẦM NON THANH LƯƠNG**

QUYẾT ĐỊNH GIAO DỰ TOÁN NĂM 2023

Số: 5136 /QĐ-UBND

Vĩnh Bảo, ngày 20 tháng 12 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Về việc giao dự toán thu, chi ngân sách năm 2023
cho các xã, thị trấn, các phòng ban, đơn vị

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH BẢO

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Thông tư số 47/2022/TT-BTC ngày 29/7/2022 của Bộ Tài chính hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách nhà nước năm 2023, kế hoạch tài chính - ngân sách Nhà nước 3 năm 2023 - 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 09/2021/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của Hội đồng nhân dân thành phố về việc ban hành Quy định các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ chi ngân sách thường xuyên ngân sách địa phương năm 2022;

Căn cứ Chỉ thị số 12/CT-UBND ngày 06/8/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2023;

Căn cứ Nghị quyết số 73/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của Hội đồng nhân dân thành phố về dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn; thu, chi ngân sách địa phương và phân bổ ngân sách địa phương năm 2023;

Căn cứ Quyết định số 4268/QĐ-UBND ngày 13/12/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc giao dự toán thu, chi ngân sách năm 2023 cho các cấp, các ngành, các đơn vị;

Căn cứ Nghị quyết số 90/NQ-HĐND ngày 15/12/2022 của Hội đồng nhân dân huyện về dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn; thu, chi và phân bổ ngân sách địa phương năm 2023;

Xét đề nghị của Phòng Tài chính - Kế hoạch.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao dự toán thu, chi ngân sách năm 2023 cho các xã, thị trấn, các phòng ban, đơn vị như sau:

- Tổng thu ngân sách nhà nước: 1.099.498 triệu đồng.** Trong đó:
 - Tổng thu ngân sách trên địa bàn: 306.805 triệu đồng, bao gồm:

+ Thu quốc doanh:	2.500 triệu đồng
+ Thu Doanh nghiệp có vốn ĐTNN:	100 triệu đồng
+ Thuế ngoài quốc doanh:	68.000 triệu đồng
+ Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp:	2.300 triệu đồng
+ Thu tiền cho thuê đất:	8.900 triệu đồng
+ Thu tiền sử dụng đất:	155.000 triệu đồng
+ Lệ phí trước bạ:	47.000 triệu đồng
+ Thuế thu nhập cá nhân:	9.000 triệu đồng
+ Phí, lệ phí:	7.000 triệu đồng
+ Thu khác ngân sách, hoa lợi công sản:	7.000 triệu đồng
+ Thu cấp quyền khai thác khoáng sản:	5 triệu đồng
- Thu bổ sung cân đối ngân sách:	757.492 triệu đồng
- Thu bổ sung có mục tiêu:	35.201 triệu đồng

(Có biểu chi tiết kèm theo)

2. Dự toán chi ngân sách: 998.603 triệu đồng, bao gồm:

- Chi đầu tư phát triển: 88.792 triệu đồng (chi đầu tư công từ nguồn tiền đất điều tiết ngân sách huyện: 16.552 triệu đồng; kinh phí bồi thường GPMB và đầu tư CSHT: 72.240 triệu đồng).

- Chi thường xuyên: 855.030 triệu đồng, trong đó: Chi sự nghiệp giáo dục đào tạo và dạy nghề: 366.268 triệu đồng; chi an ninh, trật tự an toàn xã hội: 4.309 triệu đồng; chi sự nghiệp quốc phòng: 9.697 triệu đồng; chi sự nghiệp y tế - dân số và gia đình: 57.983 triệu đồng; chi sự nghiệp văn hóa- thông tin: 9.939 triệu đồng; chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn: 1.448 triệu đồng; chi sự nghiệp thể dục - thể thao: 2.691 triệu đồng; chi bảo vệ môi trường: 14.980 triệu đồng; chi sự nghiệp kinh tế: 40.299 triệu đồng; chi quản lý hành chính, Đảng, Đoàn thể, HỘND: 168.814 triệu đồng; chi đảm bảo xã hội: 174.196 triệu đồng; chi thường xuyên khác: 4.406 triệu đồng)

- Chi dự phòng ngân sách: 19.580 triệu đồng

- Chi bổ sung có mục tiêu: 35.201 triệu đồng

(Có biểu chi tiết kèm theo)

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

1. Đối với dự toán thu ngân sách nhà nước.

Căn cứ dự toán thu ngân sách năm 2023 được giao, các ngành, các xã, thị trấn, các đơn vị tổ chức thực hiện các biện pháp phấn đấu tăng thu ngân sách so với dự toán được giao.

2. Đối với dự toán chi ngân sách.

Căn cứ dự toán chi ngân sách năm 2023 được giao, các ngành, các xã, thị trấn, các đơn vị lập dự toán ngân sách gửi cơ quan tài chính thẩm định.

Dự toán chi đã bao gồm các khoản chi lương, phụ cấp lương, các khoản chi cho con người theo chế độ hiện hành, các khoản chi nghiệp vụ thường xuyên, mua sắm, sửa chữa và các khoản chi khác, đảm bảo thực hiện nhiệm vụ chính trị được giao của đơn vị và thực hiện tiết kiệm chi theo quy định.

Các cấp, các ngành, các đơn vị chủ động sắp xếp các khoản chi theo thứ tự ưu tiên, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, đảm bảo nguyên tắc tiết kiệm, hiệu quả.

Điều 3. Chánh Văn phòng HĐND và UBND huyện, Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch, Chi cục trưởng Chi cục thuế khu vực Vĩnh Bảo-Tiên Lãng, Giám đốc Kho bạc nhà nước Vĩnh Bảo, Thủ trưởng các cấp, ngành, các xã, thị trấn, các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

Nơi nhận:

- Sở Tài chính;
- TTHU; TT HĐND;
- CT, PCT UBND;
- Như Điều 3;
- Ban KTXH, HĐND huyện;
- Lưu VT

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Nguyễn Đức Cảnh

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NĂM 2023 - KHỐI GIÁO DỤC
(Kèm theo Quyết định số 5136 /QĐ-UBND ngày 10/12 /2022 của UBND huyện)

Biểu số : 06

Đơn vị: 1.000 đồng

STT	Nội dung	Thành phố giao biên chế theo QĐ số 117/QĐ-UBND ngày 11/01/2022			Tổng cộng lương, các khoản trích theo lương theo biên chế được duyệt						Chi chuyển môn nghiệp vụ và MS, SC nhỏ							Trừ học phí	Trừ tiết kiệm 10%	Dự toán giao năm 2023
		Tổng	Số giáo viên có mặt thực tế	Chánh lễch giáo viên chủ tuyền	Tổng	Tổng tiền lương và các khoản trích theo lương của biên chế có mặt	Tiền lương biên chế còn thiếu so với thành phố giao	Tổng	Chi chuyển môn, nghiệp vụ	Chi mua sắm, sửa chữa nhỏ	Hỗ trợ 2 điểm trường	11	12	13=4+7-11-12						
1	Khối Mầm non	859	801	58	90.992.051	87.145.778	3.846.273	20.553.332	14.417.332	6.086.000	50.000	8.698.572	2.055.336	100.791.475						
2	Khối Tiểu học	827	710	117	101.071.662	93.312.790	7.758.872	22.037.911	13.132.911	8.755.000	150.000	6.353.388	2.203.793	120.905.780						
3	Khối THCS	616	570	46	79.919.427	76.965.160	2.954.267	18.412.198	12.466.198	5.696.000	250.000	6.353.388	1.841.220	90.137.017						
	Cộng	2.302	2.081	221	271.983.140	257.423.728	14.559.412	61.003.441	40.016.441	20.537.000	450.000	15.051.960	6.100.349	311.834.272						

ST T	Đơn vị	Số Học sinh	Biên chế được duyệt theo QĐ số 117/QĐ-UBND ngày 11/01/2022				Hệ số lương, phụ cấp, các khoản trích theo lương 01 tháng				Tổng cộng lương, các khoản trích theo lương theo biên chế được duyệt				Chi chuyên môn nghiệp vụ, MSSC					Học phí Tổng thu	Trừ tiết kiệm 10%	Dự toán giao năm 2023
			Tổng	Lao động có mặt đến 01/7/2022	Biên chế HCP đồng nầu	Số định biên của biên chế được duyệt	Tổng	Biên chế có mặt đến ngày 01/7/2022	Biên chế còn thiếu so với biên chế được duyệt	Tổng	Tổng tiền lương và các khoản trích theo lương của biên chế có mặt	Tiền lương biên chế còn thiếu so với thành phố giao	Tổng số	Chi chuyên môn, nghiệp vụ	Chi mua sắm, sửa chữa nhỏ	Hỗ trợ 2 điểm trường						
A	B	1	2	3-3a+3b	3a	3b	4-2-3		5	6		7		9-10+11+12	10	11	12	13	14-9x10%	15-8+9-13-14		
22	Mầm non Vinh Quang	520	36	41	33	8	3	188,13	177,00	11,13	3.363,741	3.164,796	198,945	742,360	543,360	199,000		406,305	74,236	3.625,560		
23	Mầm non Liên An	331	29	34	27	7	2	168,33	160,91	7,42	3.009,665	2.877,035	132,630	674,860	467,860	207,000		260,334	67,486	3.356,705		
24	Mầm non Lý Học	297	25	30	23	7	2	149,28	141,86	7,42	2.669,087	2.536,457	132,630	594,971	412,971	182,000		231,930	59,497	2.972,631		
25	Mầm non Cao Minh	430	34	40	32	8	2	201,40	193,98	7,42	3.601,046	3.468,416	132,630	813,579	568,579	245,000		334,494	81,358	3.998,773		
26	Mầm non Tam Cường	363	32	36	29	7	3	193,97	182,84	11,13	3.468,142	3.269,197	198,945	766,849	527,849	239,000		282,420	76,685	3.875,886		
27	Mầm non Cổ Am	248	24	27	22	5	2	168,63	161,22	7,42	3.015,172	2.882,542	132,630	676,152	452,152	224,000		192,870	67,615	3.430,839		
28	Mầm non Hòa Bình	478	35	39	31	8	4	199,19	184,36	14,84	3.561,582	3.296,321	265,261	773,211	553,211	220,000		371,844	77,321	3.885,628		
29	Mầm non Vinh Tiến	245	21	22	19	3	2	122,88	115,47	7,42	2.197,162	2.064,532	132,630	484,273	337,273	147,000		193,977	48,427	2.439,031		
30	Mầm non Trần Dương	510	33	39	30	9	3	178,91	167,78	11,13	3.198,834	2.999,889	198,945	703,678	517,678	186,000		397,773	70,368	3.434,371		
	Cộng	11.176	859	1.005	801	204	58	5.089,04	4.873,93	215,12	90.992,051	87.145,778	3.846,273	20.553,332	14.417,332	6.086,000	50.000	8.698,572,00	2.055,336	100.791,475		